TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-8-2024
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Bà Trần Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thuý An – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 267/2024/HNGĐ-ST ngày 02/7/2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 102/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trà Văn D, sinh năm 1960; địa chỉ: C, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Trịnh Kim C, sinh năm 1958; địa chỉ: 0 đường T, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/6/2024, bản tự khai ngày 24/7/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trà Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông D và bà Trịnh Kim C tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ thời điểm 1978, có tổ chức đám cưới và được hai bên gia đình chấp nhận. Quá trình chung sống vợ chồng từ năm 1978 đến nay, ông D và bà C không có đi đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 04 con chung, sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, bà

C độc tài gia trưởng muốn mọi người trong gia đình từ chồng đến con cái phải nghe theo ý muốn của bà C, thỉnh thoảng vợ chồng có cãi nhau nhưng mỗi lần cãi nhau thì bà C đòi ly hôn, từ đó làm ông D bất mãn với bà C và dọn ra ở riêng từ năm 2006 cho đến nay, kể từ khi ly thân từ năm 2006 cho đến nay, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống. Ông D không còn tình cảm yêu thương với bà C từ lâu nên có đơn khởi kiện ly hôn bà C.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 04 con chung, gồm: Trà Thị Tuyết T, sinh năm 1980; Trà Tuấn N, sinh năm 1983; Trà Tuấn B, sinh năm 1985 và anh Trà Tuấn A, sinh năm 1987. Các con chung đã trưởng thành nên ông D không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Trịnh Kim C trình bày: Bà C thống nhất với lời trình bày của ông D về kết hôn, con chung. Trước yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông D thì bà C có ý kiến như sau: Bà C xác định giữa bà với ông D không có mâu thuẫn, nhưng do ông D ngoại tình nên đã dọn ra ngoài sống riêng từ năm 2007 cho đến nay, do đó, bà C không đồng ý ly hôn với ông D.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bà C đã được Tòa án niêm yết hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Hôn nhân giữa ông D và bà C là hôn nhân thực tế nên ông D yêu cầu khởi kiện ly hôn và Toà án thụ lý yêu cầu ly hôn của ông D là phù hợp pháp luật. Mâu thuẫn của vợ chồng giữa ông D và bà C xảy ra trong một thời gian dài, rất nghiêm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau, hiện tại ông D không còn tình cảm với bà C, do đó yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông D là có căn cứ. Về con chung, tài sản chung, nợ chung thì ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trà Văn D khởi kiện tranh chấp ly hôn đối với bà Trịnh Kim C. Bà C có địa chỉ thường trú tại số H đường T, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Căn cứ các Điều: 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Trà Văn D có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Trịnh Kim C đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng bà C vẫn vắng mặt.

Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất xác định, ông Trà Văn D và bà Trịnh Kim C sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1978, có tổ chức đám cưới và hai bên gia đình đều chứng kiến, tuy nhiên, hiện tại ông D và bà C không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, trường hợp hôn nhân của ông D và bà C là hôn nhân thực tế, được pháp luật thừa nhận tại tiểu mục a, mục 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10, ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình. Theo ông D trình bày là thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 04 con chung, sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm, bà C độc tài gia trưởng muốn mọi người trong gia đình từ chồng đến con cái phải nghe theo ý muốn của bà C nên thỉnh thoảng vợ chồng có cãi nhau nhưng mỗi lần cãi nhau thì bà C đòi ly hôn, từ đó làm ông D bất mãn và dọn ra ngoài ở riêng từ năm 2006 cho đến nay, kể từ khi ly thân từ năm 2006 cho đến nay, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống và lâu dần, ông D cũng không còn tình cảm yêu thương bà C nên có đơn khởi kiện ly hôn bà C. Phía bị đơn bà C trình bày là bà C xác định giữa bà với ông D không có mâu thuẫn, nhưng do ông D ngoại tình nên đã dọn ra ngoài sống riêng từ năm 2007 cho đến nay, do đó, bà C không đồng ý ly hôn với ông D. Xét, lời trình bày của ông D và bà C, thấy rằng: Tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau*: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình".* Ông D và bà C xác định cả hai sống ly thân từ năm 2006 – 2007 cho đến nay, vợ chồng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hiện tại ông D không còn tình cảm yêu thương đối với bà C. Đối chiếu quy định của pháp luật nêu trên thì mục đích hôn nhân giữa ông D và bà C không đạt được nên cần giải quyết cho ông D và bà C ly hôn, phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống ông D và bà C có 04 người con chung tên, gồm: Trà Thị Tuyết T, sinh năm 1980; Trà Tuấn N, sinh năm 1983; Trà Tuấn B, sinh năm 1985 và anh Trà Tuấn A, sinh năm 1987. Các con chung đã trưởng thành nên ông D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, ông D và bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông D là người cao tuổi và có đơn xin miễn nên Hội đồng xét xử miễn án phí cho ông D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều: 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trà Văn D đối với bà Trịnh Kim C về việc tranh chấp ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trà Văn D được ly hôn bà Trịnh Kim C.

- Về con chung: Các con chung giữa ông Trà Văn D và bà Trịnh Kim C đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: ông Trà Văn D và bà Trịnh Kim C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trà Văn D được miễn án phí.

Ông Trà Văn D và bà Trịnh Kim C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Thị Thu Vân